

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KCD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KCD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KCD CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110192537

**3. Ngày thành lập:** 25/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, ngách 162/29 đường Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981336495

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                             | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                    | 4330(Chính) |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                               | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                               | 4610        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                           | 4663        |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát xây dựng<br>- Lập quy hoạch xây dựng<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Giám sát thi công xây dựng                                | 7110        |
| 9.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                    | 7120        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                | 7410 |
| 11. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                       | 2395 |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô                                                                                  | 4933 |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 14. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển              | 7730 |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 19. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 21. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 27. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                        | 4311 |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                             | 4312 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM VĂN<br>DUƠNG | Xóm 5, Xã Định<br>Hóa, Huyện Kim<br>Sơn, Tỉnh Ninh<br>Bình, Việt Nam                                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 160.000       | 1.600.000.000            | 80,000       | 0370940052<br>59                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Tổng số                            | 160.000       | 1.600.000.000            | 80,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>HUẾ   | P1402,CT4,<br>PCC1 Complex,<br>đường Ba La,<br>Phường Phú<br>Lương, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       | 0421940116<br>63                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | NGUYỄN<br>THÀNH ĐẠT | P1402,CT4,<br>PCC1 Complex,<br>đường Ba La,<br>Phường Phú<br>Lương, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 | 0400910003<br>83 |  |
|   |                     |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                     |                                                                                                                    | Tổng số                            | 20.000 | 200.000.000 | 10,000 |                  |  |
|   |                     |                                                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037094005259

Ngày cấp: 05/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 5, Xã Định Hóa, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 5, Xã Định Hóa, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội